

Số /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 19 -NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng); Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 21/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chương trình hành động số 27-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh).

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được xác định trong Nghị quyết số 19-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 27-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Yêu cầu

Đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của nhà nước của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 27-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải cụ thể, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính khả thi và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Về nông nghiệp: Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa, phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế từng vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phân đấu đến năm 2030, có 01 chỉ dẫn địa lý (sản phẩm nông, lâm nghiệp) được bảo hộ ở nước ngoài.

- Về nông dân: Nông dân và dân cư nông thôn văn minh, có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng miền, các địa phương trong tỉnh.

- Về nông thôn: Phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

*** Về nông nghiệp**

- Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên 3,5%/năm. Trong đó (giai đoạn 2021-2025 trên 4%/năm và giai đoạn 2026-2030 trên 3%/năm).

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp trên 10%/năm và dịch vụ trên 8%/năm.

- Duy trì ổn định tỉ lệ che phủ rừng trên 65%; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên 100.000 ha; giá trị thu được từ gỗ nguyên liệu rừng trồng sản xuất 01 ha/chu kỳ: Đối với rừng trồng gỗ nhỏ (chu kỳ 7 năm) đạt trên 190 triệu đồng; đối với rừng trồng gỗ lớn (chu kỳ 10 năm) đạt trên 350 triệu đồng.

*** Về nông dân**

- Tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân trên 5,5%/năm.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5 lần trở lên so với năm 2020.

- Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 35,5%; bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 7.000 lao động.

*** Về nông thôn**

- 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (122 xã), trong đó: 50% số xã (61 xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 15% số xã (18 xã) đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu trong tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Có 70% số đơn vị cấp huyện (04 cấp huyện) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện (01 cấp huyện) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 80% trở lên.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung đạt 96%.

1.3. Tầm nhìn đến năm 2045: Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, thông minh, sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, gắn với đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, nhất là đối với sản phẩm nông sản chủ lực. Nông thôn hiện đại, điều kiện sống tiệm cận với đô thị, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, an toàn, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

2.1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn, thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của khu vực nông nghiệp, nông thôn, tạo việc làm tại chỗ, thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp, tiến tới giảm tỷ trọng lao động của lĩnh vực này.

Thực hiện quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ nhau cùng phát triển gắn với đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ khoa học - công nghệ, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ

lễ sang sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số, bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, chú trọng hướng dẫn, khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Bố trí ổn định dân cư, không để di cư tự do, cư trú trong khu rừng phòng hộ, đặc dụng, vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các huyện, xã có tỉ lệ hộ nghèo cao, thực hiện hiệu quả phương châm “*không để ai bị bỏ lại phía sau*”. Tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ di dân tái định cư, thiếu đất ở, đất sản xuất, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống.

Phát huy vai trò của Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp các cấp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh gắn với bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình văn hoá, thôn, tổ dân phố văn hoá.

2.2. Phát triển ngành nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh liên kết giữa các khâu trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị một cách bền vững. Đẩy mạnh cơ cấu, sắp xếp đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP),... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, kiên cố hoá kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; quản lý chặt chẽ chất lượng, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp, thủy sản đảm bảo cho sản xuất bền vững và bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng. Duy trì và tiếp tục xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Huy động xã hội hóa các nguồn lực, thúc đẩy hợp tác công tư trong sản xuất nông nghiệp; phát triển chuỗi giá trị ngành hàng theo hình thức: Nhà nước hướng dẫn và hỗ trợ cung ứng các dịch vụ công, các doanh

nghiệp tổ chức sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm.

Về trồng trọt, bảo đảm an ninh lương thực, phát triển sản xuất hàng hoá, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ để nâng cao giá trị sản xuất (*Chuyển đổi cơ cấu cây trồng; đẩy mạnh mở rộng sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị,...*). Khai thác hiệu quả các cây trồng đặc sản có lợi thế của địa phương. Mở rộng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, như: IPHM; công nghệ cao; ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất; cải tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả vườn cây ăn quả có múi; mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao (*nhà lưới, nhà kính*), sản xuất hữu cơ đối với một số loại cây trồng có lợi thế như rau, củ, quả,...

Về chăn nuôi, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi hàng hóa tập trung gia trại, trang trại, theo chuỗi giá trị an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thu hút doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư, liên kết chăn nuôi an toàn, bảo vệ môi trường. Hỗ trợ liên kết chăn nuôi gắn với chế biến, tiêu thụ; phát triển cơ sở sản xuất giống vật nuôi đủ tiêu chuẩn để phục vụ con giống cho nhu cầu phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học. Thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung không được phép chăn nuôi. Hỗ trợ sản xuất giống chất lượng cao, đẩy mạnh thụ tinh nhân tạo bằng các giống chất lượng cao. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững (*trâu, bò, lợn, lợn đen, gà thả vườn, vịt bầu địa phương thả suối, dê núi,...*) gắn với kiểm soát hiệu quả chất cấm trong chăn nuôi, tăng cường năng lực hệ thống thú y, công tác tiêm phòng dịch bệnh.

Về thủy sản, phát huy tiềm năng, lợi thế, phát triển hiệu quả nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị và bền vững; mở rộng phát triển nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, đảm bảo môi trường,... chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các loài cá đặc sản, cá thương phẩm cao sản có giá trị kinh tế cao. Nâng cao năng lực sản xuất giống, dịch vụ thủy sản; quan tâm đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống sản xuất giống cá đặc sản trên địa bàn tỉnh. Thu hút đầu tư nuôi trồng thủy sản trên hồ thủy điện gắn với chế biến sâu, đa dạng sản phẩm chế biến, đáp ứng yêu cầu của thị trường, tiến tới xây dựng thương hiệu thủy sản Tuyên Quang.

Về lâm nghiệp, thực hiện quản lý bền vững về diện tích và chất lượng, bảo đảm hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu. Khai thác tối đa giá trị hưởng dụng từ

rừng thông qua việc phát triển nông, lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu, dịch vụ môi trường rừng (*bao gồm phát triển thị trường tín chỉ các-bon từ rừng*), quản lý rừng bền vững và cấp Chứng chỉ rừng, khai thác hiệu quả rừng gắn với phát triển du lịch sinh thái. Xây dựng và nhân rộng chuỗi liên kết giữa nhà máy với người trồng rừng (*đảm bảo liên kết chặt chẽ từ giai đoạn trồng rừng đến chế biến và tiêu thụ lâm sản*); chú trọng tập trung phát triển rừng gỗ lớn, đa dạng hoá các sản phẩm, các thương hiệu có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao hơn nữa giá trị công nghiệp chế biến rừng trồng. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất và chế biến gỗ, phấn đấu trở thành tỉnh điển hình về phát triển lâm nghiệp bền vững.

2.3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Tổ chức triển khai hiệu quả quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn.

Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch, phát huy tiềm năng lợi thế từng khu vực, từng vùng tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn. Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nhất là xây dựng, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn, các điểm du lịch nông nghiệp, phát triển các sản phẩm du lịch gắn với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút khách du lịch, nâng cao thu nhập cho người dân và doanh nghiệp,... Thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ. Chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống; đào tạo, tôn vinh nghệ nhân ở nông thôn. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, nhất là thương mại điện tử, phù hợp với từng địa bàn, đáp ứng nhu cầu của người dân. Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Tập trung thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là chế biến nông, lâm sản có tiềm năng, lợi thế, giá trị gia tăng cao, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, uy tín trên thị trường; tạo điều kiện phát triển mạnh các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp,

phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ liên kết sản xuất ở nông thôn đảm bảo phù hợp. Chú trọng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến thương mại, quảng bá, tiến tới xuất khẩu sản phẩm nông sản. Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

2.4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả; duy trì, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, vì lợi ích của người dân. Huy động, lồng ghép nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đẩy nhanh việc lập và thực hiện quy hoạch đô thị ở vùng nông thôn theo kế hoạch; đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các công trình hạ tầng về giao thông, thuỷ lợi, trường học, điện, nước sạch, viễn thông, công trình phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng thương mại nông thôn,...

Nâng cao chất lượng các tiêu chí đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nhất là các tiêu chí về nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị văn minh, xanh, sạch, đẹp, giữ vững ổn định an ninh trật tự, giàu bản sắc văn hóa truyền thống. Chú trọng nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, bảo vệ cảnh quan môi trường nông thôn; đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, thanh tra và giám sát cộng đồng trong việc thực hiện các chương trình, dự án. Hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, xây dựng môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

2.5. Rà soát, xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là các cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, thị

trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với hộ nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm nông nghiệp,... Tiếp tục rà soát, đánh giá, điều chỉnh cơ chế chính sách, các chương trình, đề án đang thực hiện cho giai đoạn mới, xem xét ban hành các cơ chế, chính sách để khai thác tiềm năng, lợi thế về phát triển nông nghiệp, nông thôn đảm bảo hiệu quả, thực chất phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Thực hiện các nội dung đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả sử dụng đất đai, huy động tốt nhất nguồn lực từ đất đai phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định xã hội, an ninh lương thực, bảo vệ môi trường; sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất nông nghiệp. Rà soát quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ứng dụng công nghệ cao; vùng canh tác hữu cơ; quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo quy hoạch gắn với việc đầu tư kết cấu hạ tầng và các giải pháp cải tạo, nâng cao chất lượng đất nông nghiệp.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương, ưu tiên quỹ đất có lợi thế kinh doanh, dịch vụ phục vụ việc quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp; quy hoạch, bố trí quỹ đất ở cho người dân nông thôn đảm bảo đồng bộ, phù hợp phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm, du lịch cộng đồng Homestay, kinh doanh, dịch vụ thương mại. Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp, tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Đẩy mạnh thực hiện các chính sách tín dụng đối với nông nghiệp, nông thôn, hộ nghèo và các đối tượng chính sách gắn với thực hiện chiến lược tài chính toàn diện quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2.6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu, đánh giá, giới thiệu đặc điểm, đặc trưng nổi bật của hệ sinh thái, địa chất, rừng tự nhiên của địa phương, phục vụ công tác bảo tồn, nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch,...

Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đề xuất đặt hàng các đề tài, dự án cấp bộ, cấp quốc gia thiết thực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản; các đề tài, dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ; ứng dụng công nghệ cao (*công nghệ sinh học, công nghệ nhà kính, công nghệ tưới, công nghệ cảm biến, tự động hóa,...*) trong chọn tạo giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản chủ lực, đặc sản, có lợi thế của tỉnh (*gắn với xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, mẫu mã, bao bì sản phẩm...*). Chú trọng ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (*VietGAP, GlobalGAP, SAN, hữu cơ, quản lý rừng bền vững...*) nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp. Hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể sản phẩm OCOP trong việc đăng ký bảo hộ và xác lập quyền sở hữu trí tuệ; hướng tới phát triển một số sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu để đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở nước ngoài (*chè, gỗ rừng trồng,...*); phấn đấu đến năm 2030, có 01 chỉ dẫn địa lý (*sản phẩm nông, lâm nghiệp*) được bảo hộ ở nước ngoài.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chiến lược khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh; chương trình phát triển tài sản trí tuệ,... và các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn bền vững, hiện đại hóa góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp, tăng cường đào tạo các kỹ năng, kiến thức khoa học công nghệ mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “*trí thức hóa nông dân*”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; đẩy mạnh hướng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của ngành, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

2.7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ tài nguyên, môi trường nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong bảo vệ tài nguyên, môi trường. Ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng khai thác và sử dụng tài nguyên trái phép, tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Tổ chức tuyên truyền và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “*Tuyên Quang chung tay xử lý rác thải và chống rác thải nhựa*”; việc thu gom, xử lý vô thuốc bảo vệ thực vật,...

Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm để bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn với phát triển đô thị; khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nhất là về công tác bảo vệ cảnh quan môi trường khu vực nông thôn. Triển khai nghiên cứu và đề xuất cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường, sinh thái. Tăng cường năng lực trong các hoạt động nghiên cứu, dự báo và thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái ở khu vực nông thôn để giảm tối đa ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

2.8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

Đẩy mạnh thông tin, truyền thông các nội dung về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Hỗ trợ thông tin về chủ trương phát triển ngành nông nghiệp, những mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp thành công, kinh nghiệm hay để phổ biến, nhân rộng. Thực hiện tuyên truyền, quảng bá sâu rộng về kinh tế, văn hoá, xã hội; về danh lam thắng cảnh, giá trị của hệ sinh thái rừng tự nhiên, nhất là rừng phòng hộ, đặc dụng, về con người, môi trường đầu tư, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại tỉnh; giới thiệu về chính sách, kế hoạch, tiềm năng, thế mạnh, cơ hội hợp tác về lĩnh vực nông nghiệp.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, tăng cường các hoạt động ngoại giao, thông qua tham tán thương mại để tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu. Mời gọi các tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài đầu tư lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, chú trọng phát triển sản xuất gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu.

Thực hiện tốt mối liên kết giữa “Nhà khoa học” với các đối tác tham gia liên kết; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản; sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, tái sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất viên nén năng lượng, điện sinh khối,...

2.9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và dịch vụ công; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số. Đẩy mạnh công tác kiểm tra cải cách hành chính, kịp thời phát hiện những tồn tại hạn chế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp để kịp thời đề xuất các giải pháp khắc phục.

Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức. Tiếp tục rà soát, nghiên cứu ban hành chính sách của tỉnh để thu hút nguồn nhân lực có năng lực, trình độ về làm việc ở nông thôn, đặc biệt đối với lực lượng trí thức trẻ để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Hội Nông dân các cấp vững mạnh, thực sự là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

3. Các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên thực hiện từ nay đến năm 2030 (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của mình; phân công 01 đồng chí lãnh đạo

phụ trách chỉ đạo thực hiện công tác này; định kỳ hằng năm (trước ngày 15/11) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh, đồng gửi cơ quan thường trực là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan tham mưu huy động các nguồn lực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế chính sách để hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

3. Các cơ quan thông tin truyền thông: Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, thành phố, đài truyền thanh cơ sở thường xuyên có chuyên mục tuyên truyền, giải thích sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tới toàn thể tầng lớp nhân dân.

4. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, phối hợp với các ngành chức năng liên quan có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch này; định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất các giải pháp kịp thời với UBND tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ngành, các cấp thống nhất nhận thức và hành động để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

Phụ lục

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày /...../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG						
1	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh				Thường xuyên hằng năm	
II	XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH/KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2030						
2.1	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
2.2	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.3	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và năm 2022	Ban Dân tộc tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
2.4	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
2.5	Ban hành "Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025"	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
2.6	Ban hành Tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
2.7	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh hằng năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Kế hoạch	Hằng năm	
2.8	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh hằng năm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Kế hoạch	Hằng năm	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.9	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh hằng năm	Ban Dân tộc tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Kế hoạch	Hằng năm	
2.10	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh hằng năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Hằng năm	
III	XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH						
1	Thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	HĐND tỉnh	Nghị quyết	2021-2025	
2	Triển khai có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết bảo đảm chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	2021-2025	
3	Quy định việc quản lý, vận hành công trình và quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với các công trình nhà văn hóa thôn được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	2021-2025	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4	Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một dự án cụ thể được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
5	Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	HĐND tỉnh	Nghị quyết	Năm 2022	
6	Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	HĐND tỉnh	Nghị quyết	Năm 2022	
7	Nghiên cứu, đề xuất ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn (thay thế Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND và một số văn bản có liên quan).	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	HĐND tỉnh	Nghị quyết	2026-2030	
8	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	HĐND tỉnh	Nghị quyết	Thường xuyên	
9	Định giá rừng, xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	2021-2025	
....						

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
IV	XÂY DỰNG CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN						
1	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
2	Thực hiện Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	2021-2030	
3	Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng (REDD+) tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
4	Đề án du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ, đặc dụng của các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Năm 2022	
5	Xây dựng các vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	Thường xuyên	
6	Đề án phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	2022-2030	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
7	Đề án “ <i>Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân xử lý phế, phụ phẩm nông nghiệp và rác thải sinh hoạt thành phân bón hữu cơ vi sinh tại nguồn</i> ”.	Hội Nông dân tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh	Quyết định	2022-2030	
8	Đề án “ <i>Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong thu gom, lưu trữ phế, phụ phẩm nông nghiệp dùng để tái chế nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường giai đoạn 2022-2030</i> ”.	Hội Nông dân tỉnh	Sở Khoa học và công nghệ; Các đơn vị có liên quan	UBND tỉnh	Quyết định	2022-2030	
.....						
V	XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH						
1	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2022	
2	Thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2022	
3	Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2022	
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2026	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
5	Kế hoạch thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2026	
6	Xây dựng Kế hoạch tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu đi đôi với phát triển vùng nguyên liệu; ưu tiên chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, nhất là chế biến sản phẩm xuất khẩu	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2023	
7	Xây dựng Kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2023	
8	Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	Năm 2023	
9	Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh về Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2021.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành, và UBND các huyện, thành phố có liên quan	UBND tỉnh	Kế hoạch	2021-2025	
.....						

